

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 -3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Phước Thanh	Chủ tịch
Ông Trương Văn Học	Phó Chủ tịch
Ông Vương Đức Hoàng Quân	Phó Chủ tịch
Ông Dominic Scriven	Ủy viên
Ông Lê Chí Hiếu	Ủy viên
Ông Lê Vũ Hoàng	Ủy viên
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Vũ Hoàng	Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Bình	Giám đốc tài chính (Kiêm Kế toán trưởng)
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Giám đốc Đầu tư Kinh doanh
Ông Nguyễn Quyết Chiến	Giám đốc Kế hoạch Hành chính
Ông Lê Hoàng	Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ thu phí

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Vũ Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 2 năm 2011

Số: 2094/2011/ BCKT/IFC-ACAGroup 1

Trụ sở chính:

P. 1501, Tầng 15, Tòa nhà 17T-1

Trung hòa - Nhân Chính, Hà Nội

Tel : (84 4) 62 811 488

Fax: (84 4) 62 811 499

E-mail : contact@ifc-acagroup.vn

Website: www.ifc-acagroup.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh**

Kính gửi: **Cố đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được lập ngày 15 tháng 2 năm 2011 của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Công ty") từ trang 5 đến trang 26. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2 và 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chu Quang Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1022/KTV
Ngày 15 tháng 2 năm 2011

Lê Xuân Thắng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0043/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		497.106.770.595	119.148.197.650
I. Tiền và tương đương tiền	110		7.388.723.303	8.667.470.038
1. Tiền	111	V.1	7.388.723.303	8.667.470.038
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		351.530.681.385	100.537.512.908
1. Phải thu khách hàng	131		201.128.717.114	28.355.806.809
2. Trả trước cho người bán	132		43.465.918.913	34.509.095.977
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	106.936.045.358	37.672.610.122
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	130.457.184.772	2.107.692.885
1. Hàng tồn kho	141		130.457.184.772	2.107.692.885
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.730.181.135	7.835.521.819
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.176.968.050	7.582.788.729
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		553.213.085	252.733.090
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.643.849.033.030	2.120.755.812.767
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.964.635.981	1.998.680.687
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.4	1.964.635.981	1.998.680.687
II. Tài sản cố định	220		869.628.600.995	530.728.717.252
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	2.112.393.747	1.673.700.824
- Nguyên giá	222		7.430.735.405	6.238.872.212
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.318.341.658)	(4.565.171.388)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	245.763.764.055	324.163.317.019
- Nguyên giá	228		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(754.236.235.945)	(675.836.682.981)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	621.752.443.193	204.891.699.409
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	1.765.788.045.793	1.461.897.274.173
1. Đầu tư vào công ty con	251		335.391.200.000	198.621.200.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		833.667.816.000	375.753.018.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		601.804.252.273	892.475.352.973
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn khác	259		(5.075.222.480)	(4.952.296.800)
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.467.750.261	126.131.140.655
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	6.467.750.261	126.131.140.655
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.140.955.803.625	2.239.904.010.417

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

50 Tôn Thất Đạm, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.802.684.373.477	1.065.597.655.952
I. Nợ ngắn hạn	310		463.052.540.059	190.655.243.185
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	182.270.094.260	61.627.034.000
2. Phải trả người bán	312		3.269.854.596	4.418.974.932
3. Người mua trả tiền trước	313		608.242.586	102.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		2.953.648.058	38.155.374.676
5. Phải trả người lao động	315		6.041.697.898	10.777.075.524
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	262.965.116.295	73.266.552.730
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.943.886.366	2.308.231.323
II. Nợ dài hạn	330		1.339.631.833.418	874.942.412.767
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.12	1.338.931.979.417	874.378.567.554
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		699.854.001	563.845.213
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.13	1.338.271.430.148	1.174.306.354.465
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.338.271.430.148	1.174.306.354.465
1. Vốn đầu tư chủ sở hữu	411		751.410.000.000	500.540.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		162.238.261.577	287.373.231.577
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		61.486.046.293	45.690.265.680
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		363.137.122.278	340.702.857.208
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.140.955.803.625	2.239.904.010.417



Lê Vũ Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 2 năm 2011

Lê Quốc Bình
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	159.408.758.577	177.100.993.036
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		159.408.758.577	177.100.993.036
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.828.698.374	1.495.483.599
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		155.580.060.203	175.605.509.437
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	467.342.132.150	297.267.458.113
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	92.661.932.232	39.144.797.688
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>89.874.005.099</i>	<i>33.046.469.097</i>
8. Chi phí bán hàng	24		99.553.773.469	98.812.791.467
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		22.468.120.032	15.351.477.437
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		408.238.366.620	319.563.900.958
11. Thu nhập khác	31		1.706.711.427	2.601.672.513
12. Chi phí khác	32		48.244.370	99.770.653
13. Lợi nhuận khác	40		1.658.467.057	2.501.901.860
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		409.896.833.677	322.065.802.818
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	81.184.555.825	38.426.126.985
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		328.712.277.852	283.639.675.833
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.5	4.430	4.248



Lê Vũ Hoàng
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 2 năm 2011

Lê Quốc Bình
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MÃ SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	246.243.205.263	248.390.191.873
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(22.219.851.548)	(19.210.291.718)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(37.899.231.906)	(38.798.785.281)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(94.686.085.592)	(90.933.558.015)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(118.518.995.134)	(6.462.065.645)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	94.073.729.938	93.604.704.206
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(134.069.520.229)	(87.593.476.008)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(67.076.749.208)	98.996.719.412
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(431.172.818.969)	(228.142.552.763)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản khác	22	-	79.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(135.742.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	144.001.670.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(625.800.196.220)	(681.905.529.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	552.395.398.920	410.644.726.601
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	25.801.216.619	167.999.862.296
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(470.516.729.650)	(331.323.947.411)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	600.030.000	94.769.867.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho CSH, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(6.977.158.240)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	867.347.867.127	610.175.895.767
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(281.418.699.004)	(389.501.551.613)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(50.214.466.000)	(75.672.509.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	536.314.732.123	232.794.543.914
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1.278.746.735)	467.315.915
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	8.667.470.038	8.200.154.123
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	7.388.723.303	8.667.470.038



Lê Vũ Hoàng
Tổng Giám đốc
 Ngày 15 tháng 2 năm 2011

Lê Quốc Bình
Kế toán trưởng

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000747 ngày 24 tháng 12 năm 2001 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, thay đổi lần thứ 10 ngày 07 tháng 01 năm 2010. Vốn điều lệ của Công ty là 753.270.000.000 đồng, được chia thành 75.327.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 298 (năm 2009 là 299).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là:

- Đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT);
- Nhận quyền sử dụng đất để xây nhà ở, để bán hoặc cho thuê, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch, xây dựng nhà ở để chuyển quyền sử dụng đất;
- Dịch vụ thu phí giao thông;
- Sản xuất, mua bán các thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thu phí giao thông và xây dựng;
- Kinh doanh nhà ở, tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính;
- Xây dựng công trình dân dụng; công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình đường ống thoát nước; San lấp mặt bằng;
- Dịch vụ thiết kế, trồng, chăm sóc vườn hoa, cây cảnh, hòn non bộ;
- Kinh doanh nhà vệ sinh công cộng, nhà vệ sinh lưu động, thu gom rác thải (không hoạt động tại trụ sở)
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng và rửa xe ô tô, xe gắn máy; Cung cấp nước sạch;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Cho thuê kho bãi.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Những nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Báo cáo tài chính được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính.

Ngày 31/12/2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT - BTC về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực áp dụng từ ngày 15/02/2010. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã thực hiện phân loại một số chỉ tiêu phù hợp theo hướng dẫn sửa đổi bổ sung của Bộ tài chính trong Thông tư này.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 do Bộ Tài chính ban hành.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền thu phí giao thông, nguyên giá là giá trị chuyển nhượng phải trả cho cơ quan chức năng của Nhà nước. Tài sản cố định vô hình được tính khấu hao với tỷ lệ 57% doanh thu thực hiện hàng năm. Tỷ lệ 57% này được xác định bằng tỷ số giữa giá trị chuyển nhượng quyền thu phí mà đơn vị phải trả cho Sở Tài chính - Vật giá thành phố Hồ Chí Minh trong vòng 18 tháng kể từ ngày 17/09/2002 là 1.000 tỷ đồng và tổng doanh thu thu phí (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) ước tính đơn vị sẽ đạt được trong vòng 9 năm kể từ ngày 01/01/2002 (đối với trạm thu phí Hà Nội) và từ ngày 01/09/2002 (đối với trạm thu phí Hùng Vương nổi dài) là 1.750 tỷ đồng.

Theo Nghị quyết số 34/2005/NQ-HĐND ngày 26/12/2005 của Hội đồng Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VII, kỳ họp thứ 6, Hội đồng Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã cho phép tính lại thời gian chuyển giao quyền thu phí của Công ty trên 2 tuyến đường Điện Biên Phủ và Hùng Vương nổi dài từ 9 năm lên 12 năm. Do đó, kể từ tháng 12 năm 2005 trở đi tỷ lệ khấu hao tài sản cố định vô hình được tính bằng 47,34% doanh thu thực hiện. Tỷ lệ 47,34 % này được xác định bằng tỷ số giữa giá trị còn lại của giá trị chuyển nhượng quyền thu phí là 650.191.348.743 đồng và tổng doanh thu thu phí (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) ước tính Công ty sẽ đạt được trong thời gian thu phí còn lại tính từ ngày 01/12/2005 là 1.373.360.611.813 đồng.

Theo Biên bản thanh tra thuế tại Công ty ngày 23/07/2008 của Đoàn Thanh tra Chính phủ và Công văn số 427/2008/CV-CII ngày 12/08/2008 của Công ty gửi Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc trích lập khấu hao tài sản cố định, kể từ ngày 01/01/2006 trở đi, số dư khấu hao quyền thu phí giao thông (giá trị còn lại) là 643.268.332.072 đồng, thời gian còn lại để tính khấu hao là 32,82 quý. Như vậy, số khấu hao quyền thu phí được trích mỗi quý là 19.599.888.241 đồng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công ty con

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Tại ngày 31/12/2010, Công ty có các công ty con như sau:

Tên Công ty	Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng cầu đường Bình Triệu	51%	51%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	64%	64%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	99%	99%

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31/12/2010, Công ty có các công ty liên kết như sau:

Tên Công ty	Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần BOO Nước Đồng Tâm	49%	49%
Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức	40,53%	40,53%
Công ty Cổ Phần Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn	35%	35%
Công ty Cổ phần Cơ khí - Điện Lữ Gia	39,41%	39,41%
Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông	36%	36%
Công ty Cổ phần Hòa Phú	30%	30%

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí bảo dưỡng đường xá, di dời trạm, công cụ, dụng cụ... được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn từ 2 đến 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng phải trả

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích lập là 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Hội đồng Quản trị.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm đầu tư chứng khoán, lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn và lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo về cổ tức, lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng.

Chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để đầu tư và góp vốn vào các dự án Công ty tham gia được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

50 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNHCho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****V.1. Tiền**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	1.202.030.412	1.121.324.056
Tiền gửi ngân hàng	6.186.692.891	7.546.145.982
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	7.388.723.303	8.667.470.038

V.2. Các khoản phải thu khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Dự án cầu ngã 5+6 Kiên Giang - Công ty CP 565	2.230.744.585	1.841.318.751
Dự án cầu Cầu Sông Lũy - Công ty CP 565	4.560.552.913	3.283.356.663
Dự án tuyến tránh Phan Rang Tháp Chàm-Công ty CP 565	2.117.360.833	-
Công ty CP 565	2.235.985.616	-
Dự án khu Cổ Mễ - Vườn Việt	21.234.516.667	17.292.016.667
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng	816.666.667	2.407.600.000
Chung cư NBB - Công ty 577	72.833.333	868.666.667
Công ty CP Đầu tư & kinh doanh Thép Nhân Luật	-	1.656.200.000
Công ty CP ĐTXD cầu đường Bình Triệu	15.739.100.488	2.765.410.500
Tổng Công ty công trình giao thông 5	2.164.562.500	1.544.354.167
Công ty CP Đầu tư cao ốc VP Điện Biên Phủ	-	-
Công ty TNHH Vườn Việt	6.678.231.212	5.456.121.818
Công ty CP BOO Nước Thủ Đức	21.999.141.200	-
Dự án góp vốn chia sản phẩm cao ốc 70 Lữ Gia	958.431.001	341.250.834
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	3.311.044.800	-
Công ty Cổ Phần Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn	-	-
- Lãi Dự án chuyển nhượng quyền thu phí Điện Biên Phủ & Kinh Dương Vương	7.040.076.209	-
- Lãi phát sinh từ chuyển nhượng cổ phiếu Công ty CP ĐTXD cầu đường Bình Triệu	1.735.883.012	-
- Lãi phát sinh từ chuyển nhượng cổ phiếu Công ty CP BOO Nước Thủ Đức	5.327.148.750	-
- Lãi phát sinh từ Dự án Diamond Riverside	6.225.634.750	-
- Lãi phát sinh từ Dự án Dự án Lữ Gia Plaza	1.440.492.556	-
Điện chiếu sáng cầu Bình Triệu 2	101.985.981	101.985.981
Phải thu khác	945.652.285	114.328.074
Cộng	106.936.045.358	37.672.610.122

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**50 Tôn Thất Đạm, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V.3. Hàng tồn kho**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	257.986	653.695
Công cụ, dụng cụ	-	16.000.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	129.301.995.756	1.526.181.535
Hàng hoá	1.154.931.030	564.857.655
Cộng	130.457.184.772	2.107.692.885
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	130.457.184.772	2.107.692.885

V.4. Các khoản phải thu dài hạn khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.964.635.981	1.998.680.687

V.5. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2010	3.350.157.177	2.682.989.121	205.725.914	6.238.872.212
Mua trong kỳ	81.695.440	1.163.037.000	-	1.244.732.440
Thanh lý, nhượng bán	(52.869.247)	-	-	(52.869.247)
Tại ngày 31/12/2010	3.378.983.370	3.846.026.121	205.725.914	7.430.735.405
KHẤU HAO				
Tại ngày 01/01/2010	2.481.895.029	1.888.368.627	194.907.732	4.565.171.388
Trích khấu hao trong kỳ	548.104.788	210.291.320	2.704.548	761.100.656
Thanh lý, nhượng bán	(7.930.386)	-	-	(7.930.386)
Tại ngày 31/12/2010	3.022.069.431	2.098.659.947	197.612.280	5.318.341.658
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2010	868.262.148	794.620.494	10.818.182	1.673.700.824
Tại ngày 31/12/2010	356.913.939	1.747.366.174	8.113.634	2.112.393.747

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.142.643.169 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

50 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V.6. Tài sản cố định vô hình

	Quyền thu phí giao thông VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2010	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Mua trong kỳ	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Tại ngày 31/12/2010	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
KHẤU HAO		
Tại ngày 01/01/2010	675.836.682.981	675.836.682.981
Trích khấu hao trong kỳ	78.399.552.964	78.399.552.964
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Tại ngày 31/12/2010	754.236.235.945	754.236.235.945
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2010	324.163.317.019	324.163.317.019
Tại ngày 31/12/2010	245.763.764.055	245.763.764.055

V.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
- Tổng số chi phí XD CB dở dang	621.752.443.193	204.891.699.409
Trong đó (Những công trình lớn):		
+ Dự án mái nhà trạm Hà Nội và Hùng Vương	2.360.490.832	2.146.246.287
+ Dự án 152 Điện Biên Phủ	22.542.290.881	9.084.504.021
+ Dự án khu Tái định cư Tam tân	710.117.032	543.976.194
+ Dự án khu Tái định cư Tân An Hội	2.639.579.266	1.640.386.480
+ Dự án BOT Cầu Bình Triệu 2	692.680.567	596.118.007
+ Dự án di dời trạm Xa lộ Hà Nội	28.040.833.186	8.507.542.836
+ Dự án di dời hạ tầng Xa lộ Hà Nội	1.110.505.628	438.078.374
+ Dự án BOT mở rộng Xa lộ Hà Nội	9.541.168.829	5.294.260.902
+ Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội giai đoạn 1	62.252.260.000	51.766.864.936
+ Dự án liên tỉnh lộ 25B	192.132.410.119	75.369.679.651
+ Dự án BOT Cần Rạch Chiếc	299.673.447.861	49.504.041.721
+ Dự án di dời đường dây cao thế Bến Thành - Suối Tiên	31.480.636	-
+ Dự án di dời tái lập tuyến ống cấp nước	25.178.356	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

50 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V.8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2010		01/01/2010	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
a - Đầu tư vào công ty con		335.391.200.000		198.621.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận		56.841.200.000		42.921.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường Bình Triệu		35.700.000.000		69.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội		242.850.000.000		86.700.000.000
b - Đầu tư vào công ty liên kết		833.667.816.000		375.753.018.000
Công ty Cổ phần BOO nước Thủ Đức		320.284.000.000		204.659.000.000
Công ty Cổ phần BOO nước Đồng Tâm		183.750.000.000		134.753.550.000
Công ty Cổ phần Cơ khí - Điện Lữ Gia	2.069.403	48.633.816.000	1.669.403	36.340.468.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn		140.000.000.000		-
Công ty Cổ Phần Hoà Phú		33.000.000.000		-
Công ty Cổ Phần cấp nước Kênh Đông		108.000.000.000		-
	31/12/2010		01/01/2010	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
c - Đầu tư dài hạn khác		601.804.252.273		892.475.352.973
- Đầu tư cổ phiếu:		200.508.308.080		169.919.446.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán TP.HCM	717.427	17.224.913.080	1.987.857	29.906.156.000
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Xây dựng	-	-	1.000.000	12.375.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á	1.324.341	21.005.800.000	1.250.580	21.005.800.000
Công ty Cổ phần 565	1.960.000	19.615.140.000	1.225.000	12.265.140.000
Công ty Cổ phần 577	653.860	57.662.455.000	136.200	9.367.350.000
Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng & đô thị Dầu khí	8.500.000	85.000.000.000	8.500.000	85.000.000.000
- Đầu tư trái phiếu:		50.000.000.000		50.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Xây dựng	500.000	50.000.000.000	500.000	50.000.000.000
- Đầu tư dài hạn khác:		351.295.944.193		672.555.906.973
Công ty Cổ phần 565 (Dự án cầu Sông Lũy)		5.670.000.000		11.670.000.000
Công ty Cổ phần 565 (Dự án ngã 5+6 Kiên Giang)		2.860.000.000		3.860.000.000
Công ty Cổ phần 565 (Dự án tuyến tránh Phan Rang)		33.000.000.000		-
Công ty Cổ phần Đầu tư Cadif		4.500.000.000		-
Dự án 6.5 ha Khu dân cư P.Bình An, Q2		21.831.906.973		26.831.906.973
Dự án 155 Nguyễn Chí Thanh		46.842.037.220		13.594.000.000
Dự án BOT cầu Đồng Nai		9.000.000.000		9.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

50 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNHCho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V.8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

	31/12/2010		01/01/2010	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
- Đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)				
Dự án khu Cổ Mễ - Công ty Vườn Việt		60.000.000.000		60.000.000.000
Dự án chung cư Năm Bảy Bảy		-		180.000.000.000
Dự án Âu Cơ Plaza - Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Xây dựng		-		24.000.000.000
Dự án Khu công nghệ cao Sài Gòn		19.752.000.000		15.000.000.000
Dự án Hợp tác đầu tư 70 Lữ Gia		-		25.000.000.000
Dự án Góp vốn chia sản phẩm cao ốc 70 Lữ Gia		-		5.000.000.000
Công ty Cổ phần BOT Cầu Phú Mỹ		29.700.000.000		29.700.000.000
Công ty Cổ phần Hoà Phú		-		24.000.000.000
Công ty Cổ phần cấp nước Kênh Đông		-		73.600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường Bình Triệu		108.140.000.000		133.300.000.000
Dự án Mê Kông - Tiền Giang		5.000.000.000		5.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhân Luật		-		28.000.000.000
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5		5.000.000.000		5.000.000.000
Lí do thay đổi				
+Về số lượng: Mua, bán cổ phiếu trong kỳ				
+Về giá trị: Chuyển nhượng vốn/ Góp bổ sung tăng vốn vào các dự án				
d - Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn khác				
Ngân hàng TMCP Việt Á		4.952.296.800		4.952.296.800
Công ty Cổ phần 577		122.925.680		
Cộng		5.075.222.480		4.952.296.800
Tổng cộng		1.765.788.045.793		1.461.897.274.173

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V.9. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ	293.858.490	843.122.984
Chi phí duy tu, bảo dưỡng và di dời trạm thu phí	5.408.406.877	2.412.600.731
Chi phí in vé cầu đường	765.484.894	819.967.702
Chi phí lãi vay cho các dự án (*)	-	122.055.449.238
Cộng	6.467.750.261	126.131.140.655

(*) Chi phí lãi vay phát sinh cho các dự án mà Công ty đang góp vốn trong năm được phân loại lại sang Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang cho phù hợp với bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

V.10. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
- Vay ngắn hạn	76.979.177.593	24.367.350.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Hạ tầng Khu Công Nghệ Cao Sài Gòn	19.752.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - SGD1	34.504.721.155	
Công ty Cổ phần Chứng khoán TP.HCM	22.722.456.438	9.367.350.000
- Vay dài hạn đến hạn trả	105.290.916.667	37.259.684.000
Cộng	182.270.094.260	61.627.034.000

V.11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	-	2.865.440
Bảo hiểm y tế	300.000	300.000
Lãi trái phiếu phải trả	25.467.032.971	25.325.549.453
Phải trả Công ty TNHH Vườn Việt	38.000.000.000	45.000.000.000
Phải trả vốn góp của Công ty Cổ Phần Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn từ Dự án chuyển nhượng quyền thu phí giao thông	120.424.244.387	-
Cổ tức phải trả	74.024.022.850	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.049.516.087	2.937.837.837
Cộng	262.965.116.295	73.266.552.730

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

50 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V.12. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay Ngân hàng	838.931.979.417	374.378.567.554
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - SGD1	394.844.996.065	250.844.941.955
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - CN Sài Gòn	24.600.000.000	13.800.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Cộng Hòa	186.267.010.959	96.398.040.599
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP.HCM	233.219.972.393	13.335.585.000
Trái phiếu phát hành	500.000.000.000	500.000.000.000
Trái phiếu thông thường	500.000.000.000	500.000.000.000
Cộng	1.338.931.979.417	874.378.567.554

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trong vòng một năm	105.290.916.667	37.259.684.000
Trong năm thứ hai	349.533.716.167	66.395.168.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	486.320.464.547	261.721.170.836
Sau năm năm	503.077.798.703	546.262.228.718
	1.444.222.896.084	911.638.251.554
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	105.290.916.667	37.259.684.000
Số phải trả sau 12 tháng	1.338.931.979.417	874.378.567.554

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V.14. Vốn chủ sở hữu

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cổ phiếu quỹ		Quỹ dự phòng tài chính	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	400.200.000.000	249.306.900.000	142.428.655.366	(49.305.577.183)	39.051.264.287	-	-	781.681.242.470
Tăng vốn trong năm trước	100.340.000.000	-	-	-	-	-	-	100.340.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	283.639.675.833	-	-	-	-	283.639.675.833
Trích từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	6.639.001.393	-	-	6.639.001.393
Tăng khác	-	38.066.331.577	-	(6.997.958.240)	-	-	-	31.068.373.337
Chia cổ tức đợt 2 năm 2008 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2009	-	-	72.964.292.000	-	-	-	-	72.964.292.000
Trích lập quỹ	-	-	11.950.202.507	-	-	-	-	11.950.202.507
Giảm khác	-	-	450.979.484	(56.303.535.423)	-	-	-	(55.852.555.939)
Số dư tại ngày 01/01/2010	500.540.000.000	287.373.231.577	340.702.857.208	-	45.690.265.680	-	-	1.174.306.354.465
Tăng vốn trong năm (*)	250.870.000.000	-	-	-	-	-	-	250.870.000.000
Lãi trong năm	-	-	328.712.277.852	-	-	-	-	328.712.277.852
Trích từ lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	15.795.780.613	-	-	15.795.780.613
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức đợt 2 năm 2009	-	-	175.189.000.000	-	-	-	-	175.189.000.000
Cổ tức còn phải trả năm 2009 và đợt 1 năm 2010	-	-	75.141.000.000	-	-	-	-	75.141.000.000
Trích lập quỹ	-	-	28.432.405.103	-	-	-	-	28.432.405.103
Giảm khác	-	125.134.970.000	27.515.607.679	-	-	-	-	152.650.577.679
Số dư tại ngày 31/12/2010	751.410.000.000	162.238.261.577	363.137.122.278	-	61.486.046.293	-	-	1.338.271.430.148

(*) Phần tăng vốn điều lệ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 22/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 12 năm 2009. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 vốn điều lệ đã góp từ các cổ đông là 751.400.000.000 đồng, trong đó vốn góp bằng tiền là 501.140.000.000 đồng và vốn góp bằng lợi nhuận sau thuế và thặng dư vốn cổ phần là 250.270.000.000 đồng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V.14. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Cổ phiếu

	31/12/2010	01/01/2010
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	75.327.000	50.300.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	75.141.000	50.054.000
- Cổ phiếu phổ thông	75.141.000	50.054.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	75.081.000	50.054.000
- Cổ phiếu phổ thông	75.081.000	50.054.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

VI.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	4.484.739.993	4.166.558.150
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	154.924.018.584	172.934.434.886
Cộng: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	159.408.758.577	177.100.993.036
<i>Các khoản giảm trừ:</i>		
- Giảm giá hàng bán	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	159.408.758.577	177.100.993.036

VI.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.828.698.374	1.495.483.599
Cộng	3.828.698.374	1.495.483.599

VI.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi từ đầu tư chứng khoán	66.889.676.080	53.062.868.000
Lãi từ chuyển nhượng dự án quyền thu phí	51.926.919.899	
Lãi phát sinh phải thu từ các dự án chuyển nhượng cho Công ty Cổ Phần Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn	22.321.503.662	
Lãi phát sinh phải thu từ các dự án góp vốn	315.675.871.797	202.424.791.956
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.807.659.200	40.497.695.951
Lãi tiền gửi ngân hàng	720.501.512	1.282.102.206
Cộng	467.342.132.150	297.267.458.113

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI.4. Chi phí tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	89.874.005.099	33.046.469.097
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	122.925.680	(14.005.673.128)
Chi phí tài chính khác	2.665.001.453	20.104.001.719
Cộng	92.661.932.232	39.144.797.688

VI.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	328.712.277.852	283.639.675.833
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	74.196.860	66.764.962
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	4.430	4.248

(*) Chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được trình bày lại cho năm 2009 do số lượng cổ phiếu thay đổi trong năm 2010 (Vốn thay đổi trong năm 2010 do phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư và lợi nhuận chưa phân phối như thuyết minh V.14).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010		Năm 2009	
	Hoạt động thu phí	Hoạt động đầu tư	Hoạt động thu phí	Hoạt động đầu tư
	VND	VND	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	52.680.597.245	357.216.236.432	64.151.995.950	257.913.806.868
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:				
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	93.739.437	17.984.779.184		40.497.695.951
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ		290.260.563	138.770.778	(10.696.395.778)
Thu nhập chịu thuế	52.774.336.682	339.521.717.811	64.290.766.728	206.719.715.139
Thuế suất thông thường	10%	25%	10%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.277.433.668	84.880.429.453	6.429.076.673	51.679.928.785
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm (*)	2.638.716.834	6.334.590.462	4.178.899.837	15.503.978.635
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	2.638.716.834	78.545.838.991	2.250.176.835	36.175.950.149
Tổng cộng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	81.184.555.825		38.426.126.985	

(*) Năm 2009 và năm 2010, Công ty được miễn giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với hoạt động thu phí. Ngoài ra, năm 2010, Công ty được miễn giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp do niêm yết chứng khoán lần đầu của năm 2007 và năm 2008 với số tiền thuế được giảm là: 6.334.590.462 đồng theo công văn 149/TCT-PC ngày 14/01/2010 của Tổng Cục thuế.



VII. THÔNG TIN KHÁC

VII.1. Nghiệp vụ và số dư với bên liên quan

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lương	7.560.026.051	5.022.576.658
Tiền thưởng	4.204.702.044	7.264.246.428
Cộng	11.764.728.095	12.286.823.086

VII.2. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ngày 13/01/2011, Nghị quyết số 25/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án phát hành thêm 15 triệu USD trái phiếu chuyển đổi cho Goldman Sachs và phương án sử dụng vốn thu hồi được từ đợt phát hành trái phiếu này là: vốn huy động được sử dụng để đầu tư vào dự án chuyển nhượng quyền thu phí giao thông Xa lộ Hà nội (ứng vốn đầu tư Cầu Rạch Chiếc) và dự án BOT mở rộng Xa lộ Hà nội.

Ngày 14/02/2011, Công ty đã thực hiện công bố thông tin về việc hoàn tất đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn với tỷ lệ sở hữu là 36,41% vốn điều lệ. Mục đích của việc đầu tư là để tham gia dự án mở rộng, nâng cấp bến An Suông (TP.HCM) hiện hữu thành trung tâm thương mại, dịch vụ, vận chuyển hành khách công cộng.

VII.3. Số liệu so sánh

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.



Lê Vũ Hoàng
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 2 năm 2011

Lê Quốc Bình
Kế toán trưởng